

Đặng Trần Minh

minhdt1@ssi.com.vn

+84-24 3936 6321 ext. 8671

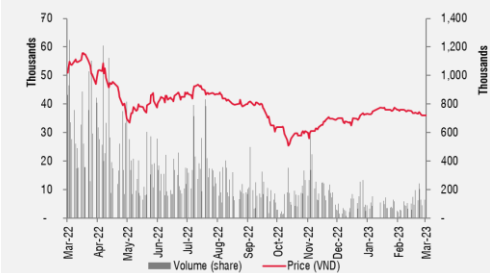
Ngày 16/03/2023

NGÀNH DƯỢC PHẨM - Y TẾ

Các chỉ số chính

Giá trị vốn hoá (triệu USD):	81
Giá trị vốn hoá (tỷ VND):	1.919
Số cổ phiếu lưu hành (triệu)	52
Giá Cao/thấp nhất trong 52 tuần ('000 VND)	59,3/25,4
KLGD trung bình 3 tháng (cp)	100.105
KLGD trung bình 3 tháng (triệu USD)	0,15
KLGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng)	3,62
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%)	42,05
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%)	0

Biên động giá cổ phiếu



Nguồn: Bloomberg

Thông tin cơ bản về công ty

Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (TNH) là một bệnh viện tư nhân tại tỉnh Thái Nguyên, được thành lập vào năm 2013. Ban đầu TNH chỉ có một bệnh viện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, với 150 giường bệnh và 950 dịch vụ y tế. Sau đó, TNH đã mở rộng lên 2 cơ sở bệnh viện, với tổng 600 giường bệnh và 1300 dịch vụ y tế trong năm 2021. TNH hiện đang hướng tới các dịch vụ y tế chuyên khoa về phụ sản (chăm sóc thai phụ), nhân khoa (chẩn đoán/điều trị mắt) và phẫu thuật/thủ thuật, đồng thời mở rộng hoạt động sang các tỉnh lân cận.

Bệnh viện mới dự kiến đi vào hoạt động vào nửa cuối năm 2024

Luận điểm đầu tư:

- Trong Q4.2022, tổng số lượt khám chữa bệnh đã tăng lên.** Doanh thu đạt 125 tỷ đồng (+21% so với cùng kỳ), trong khi LNST đạt 43 tỷ đồng (+33% so với cùng kỳ). Mặc dù giá khám bệnh tăng từ cuối tháng 8, biên lợi nhuận gộp vẫn ở mức 47% (một phần do lượng khám nội trú giảm).
- Kê hoạch mở rộng rõ ràng cùng với mốc thời gian hợp lý hơn.** Năm ngoái, TNH đã lên kế hoạch xây dựng đồng thời ba bệnh viện. Tuy nhiên, công ty đã điều chỉnh kế hoạch để tập trung vào hai bệnh viện: TNH Việt Yên và TNH Lạng Sơn với thời gian đi vào hoạt động dự kiến vào 2024 và 2025. Chúng tôi cho rằng, kế hoạch này phù hợp và chắc chắn hơn. Bệnh viện TNH Việt Yên có quy mô 300 giường bệnh đã khởi công xây dựng, dự kiến hoàn thành trong Q2.2024.
- Lợi nhuận năm 2023 phụ thuộc vào hai bệnh viện hiện tại.** Ban lãnh đạo dự kiến mức tăng trưởng doanh thu dao động khoảng 5%-10% so với cùng kỳ. Chúng tôi ước tính doanh thu đạt 492 tỷ đồng (+6,4% so với cùng kỳ) và lợi nhuận ròng đạt 152 tỷ đồng (+9% so với cùng kỳ) – với giả định việc phát hành cổ phiếu thành công trong năm 2023 sẽ giúp công ty giảm gánh nặng nợ. Mặt khác, sau một thời gian được miễn thuế, cả hai bệnh viện sẽ chịu mức thuế suất cao hơn.
- Chúng tôi điều chỉnh tăng giá mục tiêu 1 năm đối với cổ phiếu TNH lên 38.000 đồng/cổ phiếu** (từ 33.200 đồng/cổ phiếu) nhờ kế hoạch mở rộng tập trung hơn, cùng với việc khởi công xây dựng Bệnh viện Việt Yên và khởi động dự án Bệnh viện Lạng Sơn. Chúng tôi chưa đưa Bệnh viện Sản Nhi và Bệnh viện Mắt vào định giá, do các dự án này vẫn đang trong giai đoạn nghiên cứu và phát triển. Với tiềm năng tăng giá là 3% từ mức giá hiện tại, chúng tôi nâng khuyến nghị đối với cổ phiếu TNH lên **TRUNG LẬP**.

Quan điểm ngắn hạn: Chúng tôi cho rằng Q1/2023 sẽ là mùa thấp điểm đối với số lượt thăm khám cùng với doanh thu điều trị nội trú cũng giảm do mọi người thường có xu hướng quyết định về nhà ăn Tết thay vì ở lại bệnh viện, nhưng mức tăng trưởng so với cùng kỳ vẫn khả quan nhờ việc tăng giá khám trong thời gian gần đây.

Rủi ro giảm đối với khuyến nghị: kế hoạch phát hành cổ phiếu mới không được thông qua, chi phí vật tư y tế và chi phí quản lý tăng cao.

(tỷ đồng)	2019	2020	2021	2022	2023F
Doanh thu thuần	275	336	412	463	493
Tăng trưởng doanh thu thuần	2,2%	21,8%	22,9%	12,3%	6,4%
Lợi nhuận gộp	108	156	211	210	219
Biên lợi nhuận gộp	39,4%	46,4%	51,1%	45,4%	44,4%
Doanh thu tài chính	0	0	0	0	0
Chi phí tài chính	-8	-28	-42	-37	-25
Chi phí bán hàng và quản lý	-6	-15	-22	-28	-30
Thu nhập ròng khác	0	0	0	0	0
LNST	93	112	147	145	164
Lợi nhuận ròng	89	109	143	141	152
Tăng trưởng lợi nhuận ròng	9,1%	22,7%	31,0%	-1,1%	7,8%
Biên lợi nhuận ròng	32,2%	32,5%	34,6%	30,5%	30,9%
EPS (VND)	2.141	2.626	3.439	2.720	2.933

Nguồn: TNH, SSI Research

KQKD Q4.2022

Tỷ đồng	4Q22	4Q21	YoY	3Q22	QoQ	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận			
							4Q22	4Q21	3Q22	2021
Doanh thu thuần	125	104	20,7%	131	-4,1%	107%				
Lợi nhuận gộp	59	49	21,3%	62	-3,6%		47,4%	47,2%	47,2%	51,1%
Lợi nhuận hoạt động	52	43	19,4%	55	-5,0%		41,4%	41,9%	41,8%	45,5%
EBIT	52	44	18,9%	54	-4,3%		41,4%	42,0%	41,5%	45,6%
EBITDA	63	68	-7,5%	65	-3,1%		50,3%	65,6%	49,8%	53,4%
Lợi nhuận trước thuế	44	34	30,2%	45	-3,2%		35,1%	32,6%	34,8%	35,6%
Lợi nhuận ròng	43	32	33,0%	44	-3,5%	94%	34,1%	30,9%	33,8%	34,6%
Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ	43	32	33,0%	44	-3,5%		34,1%	30,9%	33,8%	34,6%

Nguồn: TNH, SSI Research

Tỷ đồng	2022	2021	YoY	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận	
					2022	2021
Doanh thu thuần	463	412	12,3%	107%		
Lợi nhuận gộp	210	211	-0,2%		45,4%	51,1%
Lợi nhuận hoạt động	182	188	-3,2%		39,2%	45,5%
EBIT	181	188	-3,5%		39,1%	45,6%
EBITDA	223	220	1,2%		48,1%	53,4%
Lợi nhuận trước thuế	145	147	-1,1%		31,4%	35,6%
Lợi nhuận ròng	141	143	-1,1%	94%	30,5%	34,6%
Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ	141	143	-1,1%		30,5%	34,6%

Nguồn: TNH, SSI Research

Số lượt khám bệnh tăng lên. Trong Q4.2022, Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên và Bệnh viện Đa khoa Yên Bình đã tiếp nhận tổng cộng 185 nghìn lượt thăm khám (+71% so với cùng kỳ, +15% so với quý trước) do số lượng công nhân trong khu công nghiệp đến khám sức khỏe định kỳ tăng cao. Tuy nhiên, số lượt khám nội trú giảm xuống chỉ bằng 86% so với quý trước. Doanh thu đạt 125 tỷ đồng (+21% so với cùng kỳ, -4% so với quý trước).

Việc tăng giá khám bệnh từ cuối tháng 8 không làm thay đổi biên lợi nhuận của bệnh viện. Lợi nhuận gộp đạt 59 tỷ đồng (+21% so với cùng kỳ), với biên lợi nhuận gộp duy trì ở mức 47% so với cả năm trước và quý trước. Điều này một phần do số bệnh nhân đến khám nội trú trong quý giảm.

Lũy kế cả năm 2022, doanh thu tăng trưởng nhưng lợi nhuận ròng giảm nhẹ. Doanh thu đạt 463 tỷ đồng (+12% so với cùng kỳ). Lợi nhuận ròng đạt 141 tỷ đồng (-1,1% so với cùng kỳ), với biên lợi nhuận ròng giảm từ 34,6% xuống 30,5%. Lợi nhuận ròng không còn cao như trước do (1) số lượt khám nội trú và khám chữa các bệnh nặng tăng chậm hơn; (2) chi phí quản lý tăng 30% so với cùng kỳ do phát sinh những chi phí liên quan tới bệnh viện mới (như đào tạo nhân viên).

Triển vọng năm 2023

Kế hoạch mở rộng có mốc thời gian hợp lý hơn. TNH đã lên kế hoạch xây dựng đồng thời ba bệnh viện trong năm trước. Tuy nhiên, bệnh viện đã điều chỉnh kế hoạch và tập trung vào hai bệnh viện: TNH Việt Yên và TNH Lạng Sơn với thời gian đi vào hoạt động có thể là vào năm 2024 và 2025, chúng tôi cho rằng kế hoạch này phù hợp và chắc chắn hơn. Công ty đã nhận được giấy phép xây dựng bệnh viện đa khoa với quy mô 300 giường bệnh tại tỉnh Bắc Giang (TNH Việt Yên) vào tháng 1/2023 và bắt đầu khởi công vào đầu tháng 2/2023. Với kinh nghiệm của công ty trong việc xây dựng và vận hành bệnh viện, chúng tôi kỳ vọng bệnh viện sẽ mất khoảng 15-18 tháng để đi vào hoạt động.

TNH cũng cho biết hai công ty liên kết được thành lập là CTCP Bệnh viện Mắt và CTCP Bệnh viện Sản Nhi đã nộp hồ sơ giải thể. Vốn góp của TNH đã được hoàn trả và chuyển nhượng cho đơn vị mới liên quan đến dự án Bệnh viện TNH Lạng Sơn vừa được công bố. Với mức đầu tư đề xuất là 570 tỷ đồng và quy mô 300 giường bệnh, dự án sẽ được triển khai trong giai đoạn năm 2023-2027. Ban lãnh đạo vẫn cam kết mở Bệnh viện Mắt và Bệnh viện Sản Nhi tại tỉnh Thái Nguyên tuy nhiên vẫn cần thêm thời gian để nghiên cứu và phát triển.

Kế hoạch phát hành cổ phiếu của công ty từ năm 2022 đã được trình lại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, và kỳ vọng được chấp thuận trong Q1.2023. Cụ thể, TNH đã tổ chức ĐHCĐ bất thường cho nhà đầu tư vào tháng 10/2022 và thống nhất các nội dung sau:

- Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 30%;
- Phát hành 25,9 triệu cổ phiếu với giá 20.000 đồng/cổ phiếu, tỷ lệ 2:1 cho cổ đông hiện hữu;
- Phát hành 2,5 triệu cổ phiếu ESOP với giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Bảng: Lộ trình mở bệnh viện mới

Bệnh viện	Số giường bệnh	Tổng mức đầu tư	Thời gian dự kiến hoàn thành
TNH Việt Yên (Bắc Giang)	300	618 tỷ đồng	GD 1: Q2.2024
TNH Lạng Sơn	300	570 tỷ đồng	GD 1: Cuối năm 2024 GD 2: 2027
Bệnh viện Sản Nhi	100	300 tỷ đồng	TBA
Bệnh viện Mắt	TBA	TBA	TBA

Nguồn: TNH, SSI Research tổng hợp

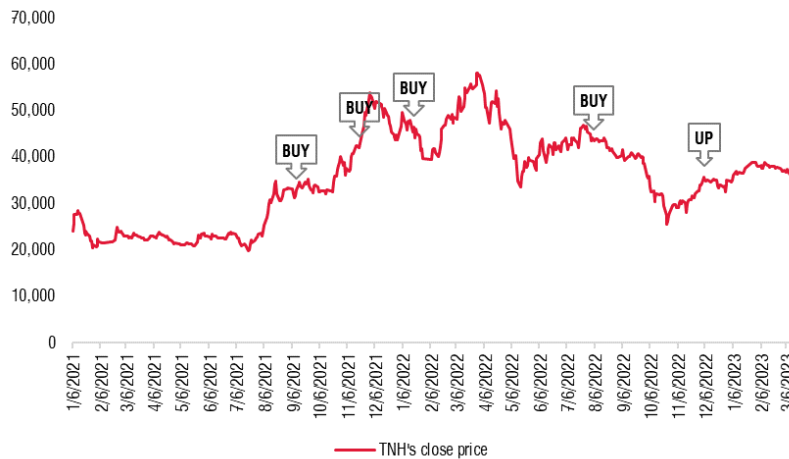
Doanh thu 2023 đến từ hai bệnh viện hiện tại do các bệnh viện mới sẽ chưa đi vào hoạt động trong năm nay. Ban lãnh đạo dự kiến doanh thu sẽ tăng khoảng 5%-10% so với cùng kỳ.

Định giá và luận điểm đầu tư

Trong năm 2023, chúng tôi ước tính doanh thu đạt 492 tỷ đồng (+6,4% so với cùng kỳ) và lợi nhuận ròng ước đạt 152 tỷ đồng (+9% so với cùng kỳ) với giả định TNH duy động đủ vốn từ phát hành cổ phiếu để giảm gánh nặng nợ. Mặt khác, chúng tôi lưu ý rằng chi phí quản lý có thể sẽ tăng lên và thuế thu nhập doanh nghiệp tại hai bệnh viện cũng sẽ tăng lên, cụ thể Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên sẽ từ 5% lên 10% và Bệnh viện Yên Bình tăng từ 0% đến 5%. Trong năm 2024, chúng tôi kỳ vọng doanh thu sẽ đạt 540 tỷ đồng (+10% so với cùng kỳ) với giả định bệnh viện Việt Yên mới sẽ đi vào hoạt động trong Q2.2024. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng lợi nhuận ròng sẽ giảm xuống mức 145 tỷ đồng (-5% so với cùng kỳ) do công suất hoạt động của bệnh viện mới này sẽ ở mức thấp.

Chúng tôi điều chỉnh tăng giá mục tiêu 1 năm đối với cổ phiếu TNH lên **38.000 đồng/cổ phiếu** (từ 33.200 đồng/cổ phiếu) với kế hoạch mở rộng tập trung hơn, cũng như việc khởi công xây dựng Bệnh viện Việt Yên và khởi động dự án Bệnh viện Lạng Sơn. Chúng tôi chưa đưa Bệnh viện Sán Nhi và Bệnh viện Mắt vào định giá, do các dự án này vẫn đang trong giai đoạn nghiên cứu và phát triển. Với tiềm năng tăng giá là 3% từ mức giá hiện tại, chúng tôi nâng khuyến nghị đối với cổ phiếu TNH lên **TRUNG LẬP**.

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: Bloomberg, SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2020	2021	2022	2023F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	23	134	74	233
+ Đầu tư ngắn hạn	0	0	0	0
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	144	48	104	127
+ Hàng tồn kho	11	12	15	16
+ Tài sản ngắn hạn khác	1	0	0	1
Tổng tài sản ngắn hạn	180	194	192	377
+ Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0	0
+ GTCL Tài sản cố định	888	956	996	1.407
+ Bất động sản đầu tư	12	37	36	35
+ Tài sản dài hạn dở dang	4	0	60	60
+ Đầu tư dài hạn	39	75	96	96
+ Tài sản dài hạn khác	34	25	14	34
Tổng tài sản dài hạn	977	1.092	1.202	1.632
Tổng tài sản	1.157	1.286	1.394	2.009
+ Nợ ngắn hạn	137	259	284	316
Trong đó: vay ngắn hạn	98	229	259	274
+ Nợ dài hạn	383	247	189	75
Trong đó: vay dài hạn	375	239	182	82
Tổng nợ phải trả	520	506	473	391
+ Vốn góp	415	415	519	976
+ Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	259
+ Lợi nhuận chưa phân phối	223	365	403	382
+ Quý khác	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	638	780	921	1.617
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	1.157	1.286	1.394	2.009
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	293	305	192	150
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-431	-189	-225	-450
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	161	-6	-27	460
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	22	110	-60	159
Tiền đầu kỳ	1	23	134	74
Tiền cuối kỳ	23	134	74	233
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	1,32	0,75	0,68	1,19
Hệ số thanh toán nhanh	1,23	0,7	0,63	1,14
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,17	0,52	0,26	0,74
Nợ ròng / EBITDA	2,35	1,78	1,57	1,07
Khả năng thanh toán lãi vay	4,97	4,57	5,02	7,6
Ngày phải thu	14,5	19,9	13,5	15,4
Ngày phải trả	48,1	44	26,8	29,3
Ngày tồn kho	16,2	20,9	19,1	20,6
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,55	0,61	0,66	0,81
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,45	0,39	0,34	0,19
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,82	0,65	0,51	0,24
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,74	0,6	0,48	0,22
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,15	0,29	0,28	0,17

Nguồn: TNH, SSI Research

Tỷ đồng	2020	2021	2022	2023F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	336	412	463	493
Giá vốn hàng bán	-180	-202	-253	-274
Lợi nhuận gộp	156	211	210	219
Doanh thu hoạt động tài chính	0	0	0	0
Chi phí tài chính	-28	-42	-37	-25
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-15	-22	-28	-30
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	112	147	146	164
Thu nhập khác	0	0	0	0
Lợi nhuận trước thuế	112	147	145	164
Lợi nhuận ròng	109	143	141	152
Lợi nhuận chia cho cổ đông	109	143	141	152
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0
EPS cơ bản (VND)	2.626	3.439	2.720	2.933
Giá trị sổ sách (VND)	15.361	18.801	17.761	16.569
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	0	0	0	0
EBIT	140	188	181	189
EBITDA	162	220	223	229
Tăng trưởng				
Doanh thu	21,8%	22,9%	12,3%	6,4%
EBITDA	51,1%	35,8%	1,2%	2,7%
EBIT	37,8%	34,1%	-3,5%	4,4%
Lợi nhuận ròng	22,7%	31,0%	-1,1%	7,8%
Vốn chủ sở hữu	20,6%	22,4%	18,1%	75,5%
Vốn điều lệ	0,0%	0,0%	25,0%	88,2%
Tổng tài sản	31,5%	11,1%	8,4%	44,1%
Định giá				
PE	11,4	12,7	12,8	24
PB	2	2,3	2	2,3
Giá/Doanh thu	3,7	4,4	3,9	7,4
Tỷ suất cổ tức	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
EV/EBITDA	10,4	9,7	9,8	8,5
EV/Doanh thu	5,1	5,2	4,7	3,9
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	46,4%	51,1%	45,4%	44,4%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	41,8%	45,5%	39,2%	38,4%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	32,5%	34,6%	30,5%	30,9%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	4,5%	5,3%	6,1%	6,1%
ROE	18,7%	20,1%	16,6%	12,0%
ROA	10,7%	11,7%	10,5%	8,9%
ROIC	14,0%	15,5%	13,5%	10,5%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Tài liệu này chỉ được lưu hành nội bộ và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

phuonghv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

Vĩ mô

Phạm Lưu Hưng

Kinh tế trưởng

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô

trinhhtt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

Phân tích Định lượng

Đỗ Nam Tùng

Chuyên viên cao cấp Phân tích Định lượng

tungdn@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8709

Phân tích cổ phiếu KHCN

Ngô Thị Kim Thanh

Chuyên viên phân tích cao cấp

thanhntk@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3053

Lê Huyền Trang

Chuyên viên phân tích cao cấp

tranglh@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8717

Phân tích Ngành Y tế và dược phẩm

Đặng Trần Minh

Chuyên viên Phân tích

minhdt1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8671

Chiến lược thị trường

Nguyễn Trọng Đình Tâm

Phó Giám đốc Chiến lược Đầu tư

tamntd@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8713

Nguyễn Lý Thu Nga

Chuyên viên phân tích cao cấp

nganlt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

Dữ liệu

Nguyễn Thị Kim Tân

Chuyên viên hỗ trợ

tanntk@ssi.com.vn

Tel: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715